

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MÔNG AN**

Mẫu số 04/QĐ-CKNS
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/QĐ-UBND

Mông An, ngày 23 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của xã Mông An

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MÔNG AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 42 /2023/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của Hội đồng nhân
dân xã về việc quyết định dự toán ngân sách năm 2024,

Căn cứ Quyết định số: 2529 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân huyện Bảo Lâm. Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi
ngân sách đại phương năm 2024;

Xét đề nghị của Ban tài chính ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của xã Mông An
(theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Mông An , Ban tài chính tổ chức thực hiện
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Nông Đình Tuấn



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Biểu số 108/CK TC - NSNN

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

NỘI DUNG THU		NỘI DUNG CHI	
	DỰ TOÁN		DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.979.161.000	TỔNG SỐ CHI	5.979.161.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	15.500.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.500.000	II. Chi thường xuyên	5.862.161.000
III. Thu bổ sung	5.959.161.000	III. Dự phòng	117.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.959.161.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	5.979.161.000		5.979.161.000
	Trong đó:			
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	110.000.000		110.000.000
1	Chi giáo dục	44.440.000		44.440.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	111.000.000		111.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh			
6	Chi thể dục, thể thao	30.000.000		30.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.898.000		35.898.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.530.823.000		5.530.823.000
10	Chi cho công tác xã hội			
11	Chi khác			
12	Dự phòng	117.000.000		117.000.000

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	5.979.161.000	5.979.161.000
I	Các khoản thu 100%		
1	Phí, lệ phí	15.500.000	15.500.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	15.000.000	15.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích		
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công		
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	500.000	500.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.500.000	4.500.000
1	Các khoản thu phân chia		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.500.000	4.500.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	3.000.000	3.000.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	1.500.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.959.161.000	5.959.161.000
1	Thu bổ sung cân đối	5.959.161.000	5.959.161.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		